

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung
Mô tả mẫu : Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : K1-K2/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Khu vực gần cụm thiết bị nén (khu vực máy nén đầu ra)
Khu vực cụm nén khí (máy nén khí điều khiển)

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Độ rung
Đơn vị	-	dBA	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén (khu vực máy nén đầu ra) (K1/01/27.06.2025)	9h00	65,2	56,3
2. Khu vực cụm nén khí (máy nén khí điều khiển) (K2/01/27.06.2025)	9h35	62,5	57,6
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	-	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM


Nguyễn Trần Minh Toàn



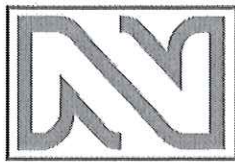
GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
: NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa điểm lấy mẫu KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT1/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý

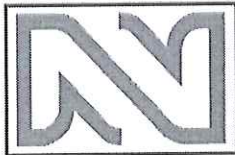
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(a) (*)	°C	30,2	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^(a) (*)	-	7,17	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
3	COD ^(a)	mg/L	87,0	3,0	150	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ^(a)	mg/L	35,9	1,0	50	SMEWW 5210B:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	44,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
6	Cr (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2017
7	Sắt ^(a)	mg/L	0,110	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
8	Tổng Nitơ ^(a)	mg/L	14,6	2,0	40	TCVN 6638:2000
9	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,816	0,03	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
10	Clorua ^(a)	mg/L	135	5,0	1.000	TCVN 6194:1996
11	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	0,610	0,3	-	SMEWW 5520B&F:2017
12	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
13	Coliform ^(a)	MPN/100mL	400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
14	Cu ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	2	SMEWW 3111B:2023
15	Pb ^(Δ)	mg/L	0,0033	0,0023	0,5	SMEWW 3113B:2023
16	Zn ^(Δ)	mg/L	0,016	0,0030	3	SMEWW 3111B:2023
17	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,00015	0,1	SMEWW 3113B:2023
18	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 7877:2008
19	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	12,96	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

(*) : Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM


Nguyễn Trần Minh Toàn



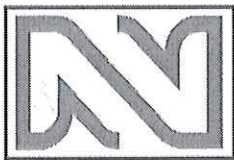
GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT2/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà điều khiển/ thí nghiệm

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (30,5°C)	-	7,20	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	37,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,385	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,63	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,32	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	2,02	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,170	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	330	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

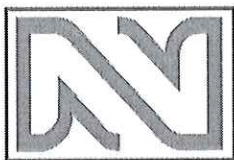


Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT3/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà ăn

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,1°C)	-	7,03	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	43,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	33,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,850	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	KPH	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,51	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	1,86	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,060	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	230	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,2	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



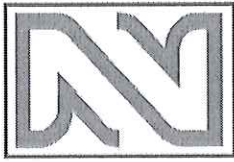
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT4/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại văn phòng

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,0°C)	-	7,23	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	39,6	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	24,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,26	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,37	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	1,99	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,130	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	330	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,19	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

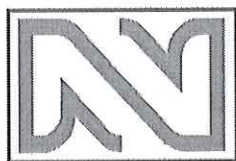


Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT5/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (30,5°C)	-	6,99	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	38,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	22,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,69	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,48	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	2,21	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,225	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	11	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(d): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

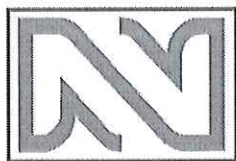

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT6/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (Khu vực kho chứa sản phẩm)

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,5°C)	-	7,12	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	36,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	31,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,580	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,13	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,84	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	2,11	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,323	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	790	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,106	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

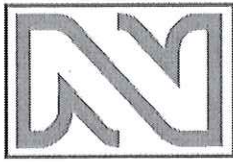


Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT7/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,3°C)	-	7,26	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	30,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	22,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,97	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,98	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	1,76	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,155	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	330	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,103	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



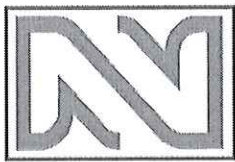
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT8/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà kho/Xưởng

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,4°C)	-	6,94	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	30,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,365	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,86	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,64	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	1,69	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,213	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	1.100	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,101	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Trần Minh Toàn



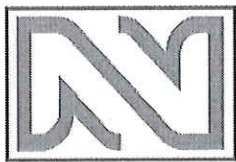
GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 226(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
(Địa chỉ cũ: KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
Mã số mẫu : NT9/01/27.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm

KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,1°C)	-	7,09	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	39,6	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	39,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,425	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017
6	Amoni ^(a)	mg/L	1,25	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a)	mg/L	2,81	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a)	mg/L	2,54	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,165	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	230	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,1	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064 – 5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường, KPH: Không phát hiện

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường CoShet, Vimcerts 026)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.